

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số - Lý thuyết Số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Trọng Hoàng

2. Ngày tháng năm sinh: 18/09/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Thủy Xuân, Thành phố Huế

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 17, Hẻm 152/201/1/1, Ngõ Cầu Vương, Thôn Thuận Tôn, Xã Đa Tôn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Đỗ Trọng Hoàng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0982304840;

E-mail: hoang.dotrong@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2008 đến 08/2011: Giảng viên cơ hữu tại Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Từ 09/2011 đến 11/2012: Giảng viên thỉnh giảng và cơ hữu tại Trường Đại học FPT

Từ 09/2013 đến 06/2020: Nghiên cứu viên tại Viện Toán học - Viện Hàn lâm Khoa học và Công Nghệ Việt Nam

Từ 07/2020 đến 06/2025: Giảng viên tại Đại học Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 01 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (+84) 2438694

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Trường Đại học FPT (Hà Nội); Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân; Học viện Khoa học và Công Nghệ - Viện Hàn Lâm Khoa học và Công Nghệ Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 24 tháng 06 năm 2005, số văn bằng: B587927, ngành: Sư phạm Toán học, chuyên ngành: Toán học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 30 tháng 07 năm 2009, số văn bằng: 000461, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số - Lý thuyết số

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 29 tháng 02 năm 2016, số văn bằng: 005683, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số - Lý thuyết số

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Toán học – Viện Hàn Lâm Khoa học và Công Nghệ Việt Nam, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Bách khoa Hà Nội, Hội đồng I: Điện, Điện tử - Tự động hoá, Công nghệ thông tin, Toán học

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các bất biến đại số (chỉ số chính quy, chiều xạ ảnh, độ sâu, số Betti, và các bất biến khác) của ideal đơn thức.

- Nghiên cứu các tính chất đại số (tính Cohen-Macaulay, tính Gorenstein, tính Buchsbaum và một số tính chất khác) của Đại số giao hoán thông qua các đối tượng tổ hợp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 4 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo theo Luật Giáo dục và quy định của Nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 9 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			1		258		258/444.4/135
2	2020-2021					645		645/1287/270
3	2021-2022			1		585		585/1283.3/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	1		2		517		517/1269.1/270
5	2023-2024	1				615		615/1269.6/270

6	2024-2025	1			1	525		525/1161.3/270
---	-----------	---	--	--	---	-----	--	----------------

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh (môn giảng dạy Giải Tích 1 và Giải Tích 2)

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình tiên tiến - Đại học Bách Khoa Hà Nội

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải:

- Khách mời nghiên cứu từ 12/2015 đến 06/2016 tại Viện nghiên cứu cao cấp Hàn Quốc (KIAS), Hàn Quốc;

- Nghiên cứu Sau tiến sĩ từ 09/2016 đến 10/2017 tại Đại học Quốc gia tự trị Mexico (UNAM) và Đại học tự trị Zacatecas (UAZ) theo học bổng của FORDECYT;

- Khách mời nghiên cứu từ 04/2019 đến 07/2019 tại Đại học Otto-von-Guericke Universitat Magdeburg, Đức theo học bổng của DAAD;

- Nghiên cứu Sau tiến sĩ từ 09/2021 đến 08/2022 tại Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán (VIASM).

- Báo cáo mời tại các hội nghị quốc tế:

- Hội nghị Đại số từ ngày 12/10/2016 đến 14/10/2016 tại Đại học Quốc Gia Tự trị Mexico (UNAM), Mexico.
- Hội thảo chuyên đề về Đại số giao hoán từ 22/11/2018 đến 26/11/2018 tại LecTore Hayama, Nhật Bản.

- Hội nghị về Đại số giao hoán và các chủ đề liên quan từ 16/09/2024 đến 20/09/2024 tại Đại học Nankai, Thiên Tân, Trung Quốc.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): CEFR level B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Thị Dương		X	X		09/2019 đến 06/2020	Học viện Khoa học và Công Nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công Nghệ Việt Nam	28/09/2020
2	Hoàng Văn Phát		X	X		05/2021 đến 10/2022	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	12/10/2022
3	Đào Duy Huy		X	X		04/2022 đến 02/2023	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	06/02/2023
4	Nguyễn Văn Vũ		X	X		04/2022 đến 09/2023	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	11/09/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Về số Betti cực trị của idêan cạnh nhị thức của các đồ thị đóng	CN	106-8/2017/VTH, cấp Cơ sở	17/02/2017 đến 16/08/2017	16/08/2017. Xếp loại: Đạt
2	Các số Betti của idêan cạnh của các đồ thị Ferrers lệch	CN	106-1/2018/VTH, cấp Cơ sở	16/01/2018 đến 14/11/2018	14/11/2018. Xếp loại: Đạt
3	Tính Cohen-Macaulay và Gorenstein của một số lớp đồ thị vòng và phần bù của nó	CN	A106-5/2019/VTH, cấp Cơ sở	28/03/2019 đến 16/12/2019	16/12/2019. Xếp loại: Đạt
4	Đa thức độc lập của đồ thị W_p và một số bài toán liên quan	CN	01-AMI/HĐ-PC, cấp Cơ sở	10/09/2023 đến 30/08/2024	30/08/2024. Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Combinatorial characterizations of the Cohen-Macaulayness of the second symbolic power of edge ideals	3	Có	Journal of Combinatorial Theory Series A. ISSN: 0097-3165	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán - ISI	5	120, 5, 1073-1086	07/2013
2	On the degree of curves vanishing at fat points with equal multiplicities	2	Không	Kyushu Journal of Mathematics. ISSN: 1340-6116	Tạp chí SCIE - ISI		67, 1, 17-27	07/2013
3	Cohen-Macaulay graphs with large girth	3	Có	Journal of Algebra and Its Applications. ISSN: 0219-4988	Tạp chí SCIE - ISI	21	14, 7, 16 trang	09/2015
4	A characterization of triangle-free Gorenstein graphs and Cohen-Macaulayness of second powers of edge ideals	2	Có	Journal of Algebraic Combinatorics. ISSN: 0925-9899	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán - ISI	11	43, 2, 325-338	03/2016

5	Cohen-Macaulayness of saturation of the second power of edge ideals	1	Có	Vietnam Journal of Mathematics. ISSN: 2305-221X	Tạp chí quốc gia uy tín - ESCI	1	44, 4, 649-664	12/2016
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	On the extremal Betti numbers of binomial edge ideal of closed graphs	2	Có	Mathematische Nachrichten. ISSN: 0025-584X	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán - SCIE	10	291, 1, 28-40	01/2018
7	Buchbaumness of the second powers of edge ideals	2	Có	Journal of Algebra and Its Applications. ISSN: 0219-4988	Tạp chí SCIE - ISI	3	17, 6, 21 trang	06/2018
8	Coverings, matchings and the number of maximal independent sets of graphs	2	Có	Australasian Journal of Combinatorics. ISSN: 2202-3518	Tạp chí Scopus - ESCI	3	73, 3, 424-431	02/2019
9	Cohen-Macaulay and Serre S2 properties of the second power of squarefree monomial ideals	3	Có	Mathematics. ISSN: 2227-7390	Tạp chí SCIE - ISI	1	7, 8, 1-8	07/2019
10	On the Betti numbers of edge	1	Có	International Journal of Algebra and	Tạp chí SCIE - ISI	1	30, 1, 125-139	02/2020

	ideal of skew Ferrers graphs			Computation. ISSN: 0218-1967				
11	Cohen-Macaulayness and Gorensteiness of two circulant graphs	4	Có	Journal of Algebraic Combinatorics. ISSN: 0925-9899	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán - SCIE	2	53, 3, 805-827	05/2021
12	Cohen–Macaulayness of a class of graphs versus the class of their complements	4	Không	Discrete Mathematics. ISSN: 0012-365X	Tạp chí SCIE - ISI	3	344, 10, 112525	07/2021
13	Hilbert-Poincare series of parity binomial edge ideal of complete graphs	2	Có	Collectanea Mathematica. ISSN: 0010-0757	Tạp chí SCIE - ISI	1	72, 3, 471-479	09/2021
14	The size of Betti tables of edge ideal of clique corona graphs	2	Có	Archiv der Mathematik. ISSN: 0003-889X	Tạp chí SCIE - ISI		118, 6, 577-586	06/2022
15	Some bounds for the regularity of the edge ideals and their powers in a certain class of graphs	4	Có	Studia Scientiarum Mathematicarum Hungarica: Combinatorics, Geometry and Topology. ISSN: 0081-6906	Tạp chí SCIE - ISI		60, 4, 237-248	12/2023

16	Asymptotic regularity of invariant chains of edge ideals	3	Có	Journal of Algebraic Combinatorics. ISSN: 0925-9899	Thuộc danh sách tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán - SCIE		59, 1, 55-94	02/2024
17	Betti numbers of edge ideals of Grimaldi graphs and their complements	4	Có	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society. ISSN: 0126-6705	Tạp chí SCIE - ISI		47, 1, 1-22	06/2024
18	Depth and regularity of tableau ideals	2	Có	Advances in Applied Mathematics. ISSN: 0196-8858	Tạp chí SCIE - ISI		169, 102913, 1-22	05/2025
19	The regularity and unimodality of h-polynomial of corona graphs	3	Có	Journal of Algebra and Its Applications	Tạp chí SCIE - ISI			08/2024
20	Unimodality of the independence polynomial of $G \circ K_p$	4	Có	Vietnam Journal of Mathematics	Tạp chí quốc gia uy tín - ESCI			11/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 14 ([6] [7] [8] [9] [10] [11] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19] [20])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------	--------------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	--	---------------------------	--	----------------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

Không có

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm
2025**

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**